

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 623 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 623

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888 Fax: (84-4) 3818 1688



Biên cơ hội thành giá trị

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 Fax: (84-511) 3525 779

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 623

Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8) 8412505 Fax: (84-8) 8432790

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

DATC

Trụ sở chính : 51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3945 4738 Fax: (04) 3945 4737

Tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	4
1.	Tổ chức phát hành	4
2.	Cổ phần chào bán	4
3.	Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần	4
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	4
III.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp	7
3.	Rủi ro hoạt động kinh doanh.....	7
4.	Rủi ro khác	8
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
1.	Chủ sở hữu vốn	8
2.	Doanh nghiệp bán đấu giá	8
3.	Tổ chức thực hiện bán đấu giá	8
V.	CÁC KHÁI NIỆM	9
VI.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY.....	9
1.	Giới thiệu về Công ty	9
1.1	Những thông tin chung về Công ty.....	9
1.2	Ngành, nghề kinh doanh	10
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	12
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty	12
3.1	Chức năng nhiệm vụ.....	13
3.2	Danh sách Hội đồng Quản trị.....	15
3.3	Danh sách ban kiểm soát	15
4.	Cơ cấu cổ đông	15
4.1	Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2014	15
4.2	Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 30/9/2014	16
4.3	Danh sách cổ đông theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu	16
5.	Hoạt động kinh doanh.....	16
5.1	Sản phẩm của Công ty	16
5.2	Nguyên vật liệu	17
5.3	Chi phí sản xuất qua các năm.....	18
5.4	Trình độ công nghệ.....	19
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	25
6.1	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây	25

6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	25
7.	Vị thế của Công ty trong ngành	26
7.1	Vị thế của Công ty trong ngành	26
7.2	Một số thuận lợi và khó khăn.....	26
8.	Chính sách đối với người lao động	28
8.1	Cơ cấu lao động.....	28
8.2	Chính sách đối với người lao động	28
9.	Chính sách cổ tức	29
10.	Tình hình tài chính	29
10.1	Các chỉ tiêu cơ bản	29
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	31
10.3	Một số thông tin lưu ý về BCTC 2013 đã kiểm toán	33
11.	Tài sản.....	34
11.1	Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2013	34
11.2	Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/9/2014	34
11.3	Tình hình sử dụng đất đai	34
12.	Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2014	35
13.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	37
VII.	THAY LỜI KẾT.....	38

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623
Tên viết tắt : MECO 623
Địa chỉ : 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại : (84-8) 841 2505
Fax : (84-8) 843 2790

2. Cổ phần chào bán

Số lượng cổ phần chào bán : 156.623 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
Phương thức chào bán : Bán đấu giá nguyên lô công khai có sự cạnh tranh về giá
Giá khởi điểm chào bán : 11.000 đồng/cổ phần

3. Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:
- Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành (Gọi tắt là Quy chế đấu giá).

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ văn bản số 800/MBN - QLĐT ngày 04/12/2014 của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam về việc phê duyệt thoái vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Công trình 623;

- Căn cứ Hợp đồng số 06/2014/HĐTVTC/SHS.HCM.TV ngày 01/12/2014 giữa Chi nhánh TP. HCM Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam về dịch vụ tổ chức bán đấu giá cổ phần;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

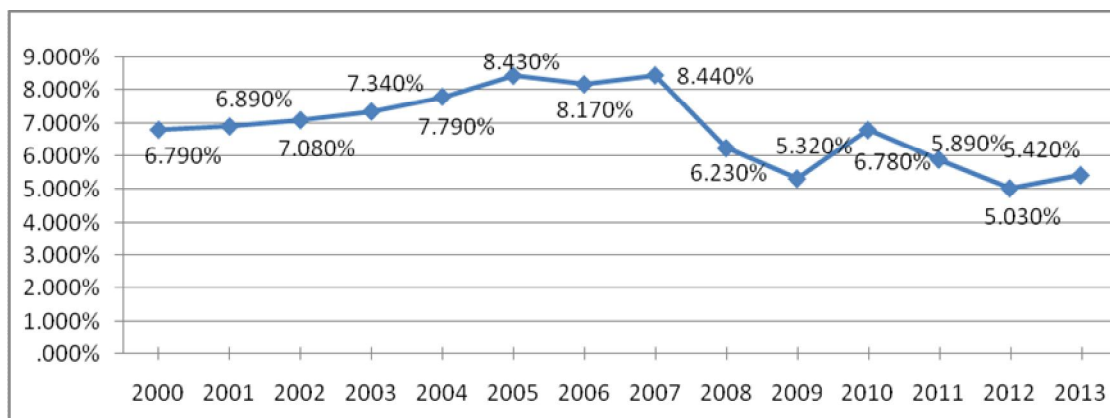
1. Rủi ro về kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2000 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,8%. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009, 2010 và 2011 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32%, 6,78% và 5,89%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Theo dự báo trong năm 2014, tăng trưởng GDP sẽ ở mức 5,8%. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng GDP vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.

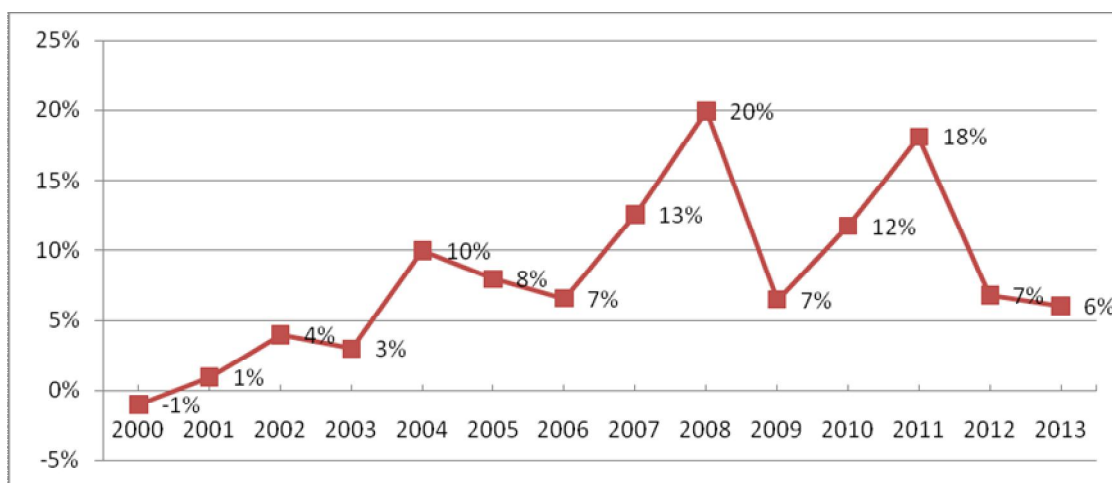
Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh khác. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục

thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước, song vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương

thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng, ở mức ổn định. Theo dự báo trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 7%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro hoạt động kinh doanh

❖ Rủi ro hoạt động

Hiện nay, Công ty lỗ nặng nề, mất cân đối tài chính, khả năng chi trả. Vì vậy, không thể tham gia đấu thầu.

Đặc thù hoạt động của Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào

Với đặc thù của một đơn vị thi công, chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng chi phí, bên cạnh đó công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép, giá xăng dầu,... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp,... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ *Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:*

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao công trình.

❖ *Rủi ro về mặt kỹ thuật:*

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ *Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:*

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay, do đó Công ty phải huy động vốn từ nhiều nguồn, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Đối với các khoản nợ vay, Công ty phải trả chi phí sử dụng vốn nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên, Công ty buộc phải thực hiện các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Công ty.

4. *Rủi ro khác*

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,.. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**1. *Chủ sở hữu vốn***

Ông: Kiều Ngọc Cầu

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM

2. *Doanh nghiệp bán đấu giá*

Ông: Hoàng Minh Dũng

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá*

CN TPHCM - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện : Bà Phạm Thị Thanh Nhân

Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Điều hành

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- DATC: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623;
- SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623;
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- Cổ phiếu: Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623;
- Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623;
- Năm tài chính: Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- Vốn điều lệ: Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**1. Giới thiệu về Công ty****1.1. Những thông tin chung về Công ty**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623**
- Tên tiếng anh: **Mechanical Engineering Construction Joint-Stock**

Company No.623

- Tên viết tắt: MECO.623
- Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (084) 3 841 2505 – 3 841 2412 – 3 510 3506
- Fax: (084) 3 843 2790
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4103002717 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 03 năm 2014
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Sản xuất cầu bằng hệ thống đúc sẵn; Lắp đặt máy móc thiết bị theo yêu cầu khách hàng; Đóng mới phương tiện vận tải thủy bộ; Sửa chữa phục hồi phương tiện thiết bị thi công cơ giới; Gia công chế tạo các kết cấu dầm và thép; Vận chuyển hàng hóa siêu trường siêu trọng; San lấp mặt bằng tạo bãi
- Vốn thực góp (tính đến thời điểm 30/09/2014): 17.399.995.131 đồng (Mười bảy tỷ ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn một trăm ba mươi một đồng)

1.2 Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002717 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 03 năm 2014, Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 kinh doanh các ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: công trình giao thông (cầu đường, sân bay, bến cảng), công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường điện dưới 35kv. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư, khu đô thị.	4290
2	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: nạo vét, đào lấp, san lấp mặt bằng công trình	4312
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Sản xuất bê	2395

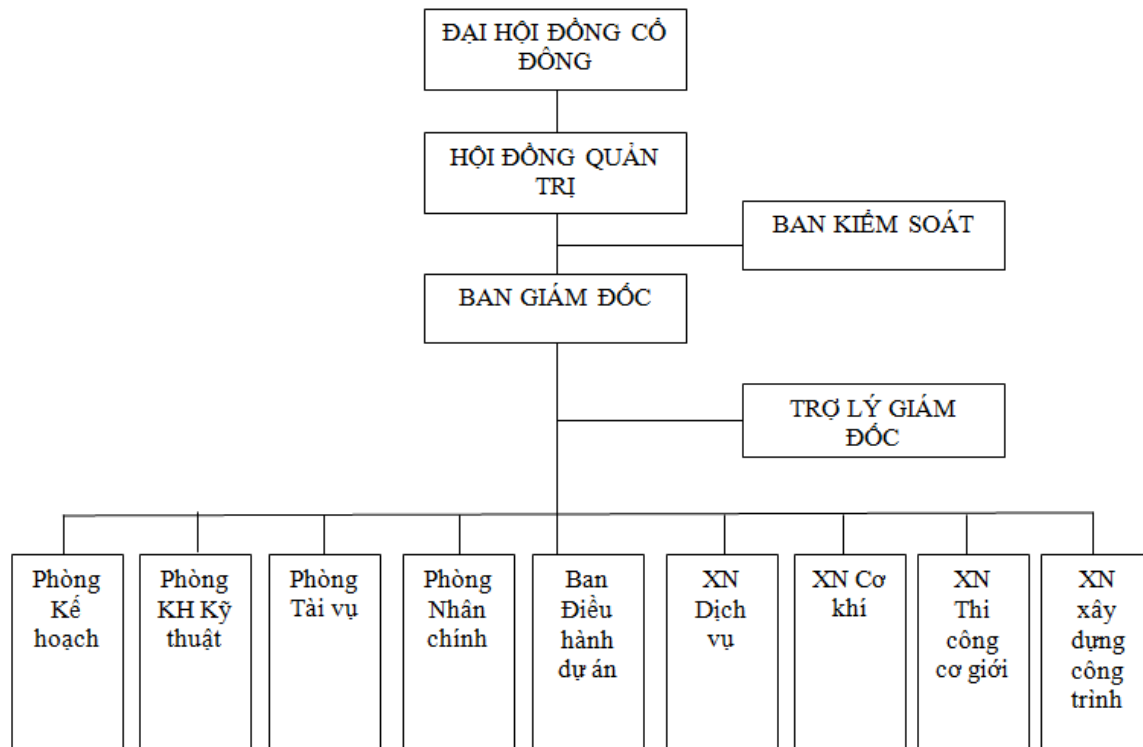
	tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. (không hoạt động tại trụ sở)	
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng	5229
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh bất động sản.	6810
6	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	2824
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8	Bốc xếp hàng hóa	5224
9	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: bán buôn ô tô và xe có động cơ	4511
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán vật tư, phương tiện và thiết bị ngành giao thông vận tải	4659
11	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, lắp ráp, đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ (không sản xuất, đóng mới tại trụ sở)	3099
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.	7120
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế công trình giao thông	7410
15	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa.	5210
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
17	Xây dựng công trình công ích	4220
18	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3311
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.	0810

	Chi tiết: khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	
20	Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở)	2410
21	Gia công cơ khí: xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)	2592
22	Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: bán buôn mô tô, xe máy	4541
23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: bán buôn sắt, thép	4662
24	Khai thác quặng sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0710
25	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở)	2431
26	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
27	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Công trình 623, được thành lập theo quyết định 494/QĐ/TCCB-LĐ ngày 23 tháng 03 năm 1993 và 1590/QĐ/TCCB-LĐ ngày 01 tháng 10 năm 1994 của Bộ Giao Thông Vận tải.
- Được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình 623 thành Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Công trình 623, là thành viên liên kết của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 (Cienco 6) thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty



3.1 Chức năng nhiệm vụ

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HDQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

❖ **Ban Kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn cao nhất trong mọi hoạt động của Công ty.

Các Phó Tổng giám đốc: Được Tổng Giám đốc ủy quyền trong từng lĩnh vực được phân công. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được quy định định kỳ 06 tháng 01 lần và đột xuất.

❖ ***Các bộ phận trực thuộc***

- Trợ lý Tổng Giám đốc: Giúp việc Tổng Giám đốc, xử lý thông tin, đôn đốc các đơn vị thực hiện yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- Phòng Kế hoạch: Tổng kết và báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ với Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 và các cơ quan chức năng. Xây dựng và giao kế hoạch sản xuất hàng tháng cho các Đội, Phân xưởng của Công ty hàng tháng.
- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật: Có trách nhiệm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các công tác về kỹ thuật để các đơn vị triển khai sản xuất. Lập quy trình công nghệ, lập phương án thi công cho các dự án không có Ban điều hành (trừ các công trình, sản phẩm đã giao cho Ban điều hành dự án). Kiểm soát và hướng dẫn sử dụng bảo trì các thiết bị kiểm tra, đo lường, thử nghiệm. Nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới, lập dự toán cho các công trình.
- Phòng Tài vụ: Lập dự thảo tài chính đồng thời và thống nhất với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thanh toán kịp thời, đầy đủ, đúng hạn, đúng chế độ các khoản phải nộp, phải trả với ngân sách Nhà nước, với Ngân hàng, với khách hàng và với nhân viên, đồng thời đôn đốc thu hồi kịp thời đối với những khoản công nợ đến hạn. Trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng chính sách chế độ và đúng mục đích.
- Phòng Nhân chính: Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc
 - + Bộ phận Nhân sự tiền lương: Xây dựng nội quy, quy chế nội bộ của Công ty định kỳ đánh giá năng lực Cán bộ - Công nhân viên. Tổ chức và huấn luyện công tác an toàn lao động, vệ sinh và môi trường lao động.
 - + Bộ phận hành chính: có nhiệm vụ quản lý con dấu của Công ty, kiểm soát công văn đi – đến, phân phối kịp thời đến bộ phận cần thiết, Quản lý mua sắm bảo dưỡng các loại máy văn phòng, dụng cụ văn phòng.
- Xí nghiệp dịch vụ:
 - + Quản lý thiết bị, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, cho thuê thiết bị.
 - + Khai thác Cảng, mặt bằng, vận chuyển hàng hóa.
- Xí nghiệp cơ khí: sản xuất cấu kiện thép
 - + Gia công sửa chữa, chế tạo các sản phẩm cơ khí.
 - + Sửa chữa xe máy, thiết bị, phương tiện thi công.
- Xí nghiệp cơ giới: Xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông vận tải, điện thủy lợi; San lấp mặt bằng, hạ tầng khu dân cư; Sản xuất cấu kiện bê tông; Sản xuất đóng mới phương tiện thủy, vận tải thủy.

- Xí nghiệp xây dựng công trình: là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, san lấp mặt bằng, cung cấp bê tông thí nghiệm, vật liệu xây dựng.
- + Quyết toán vật tư theo quy định.
- + Thuê dịch vụ vận chuyển, kỹ thuật khi cần.
- + Phối hợp với phòng kế hoạch để giao sản phẩm cho khách hàng.

3.2 Danh sách Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Minh Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Ông Phan Nhứt Trường – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Văn Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị, Kế toán trưởng.

Ông Dương Văn Sang – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Văn Khanh – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Hữu Đài – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị.

3.3 Danh sách ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thanh Hà – Trưởng ban

Bà Trần Thị Xuân Thảo – Thành viên ban kiểm soát

Bà Lý Thị Kim Ngọc – Thành viên ban kiểm soát

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ của Công ty tính tới thời điểm 30/09/2014 là 17.399.995.131 đồng được chia thành 1.739.999 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

4.1 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2014

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	98	1.739.999	17.399.995.131	100
1	Cổ đông tổ chức	2	1.002.009	10.002.009.000	57.58
2	Cổ đông cá nhân	96	737.990	7.397.986.131	42.42
3	Cổ phiếu quỹ		0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	98	1.739.999	17.399.995.131	100

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

4.2 Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 30/9/2014

TT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty XDCTGT 6	845.386	8.453.860.000	53.39
2	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	156.623	1.566.230.000	9.00
	Tổng cộng	1.002.009	10.002.009.000	62.39

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

4.3 Danh sách cổ đông theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002717 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/09/2004:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số CMTND /ĐKKD	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 6. ĐD: Dương Văn Sang	1C/4 Nguyễn Oanh, Phường 17, Quận Gò Vấp, Việt Nam	020420914	84.538	53.39
2	Công Ty Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Thương mại T.C.I	202-B5 Xã Nghĩa Tân, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	010187453	15.550	9,82
3	Nguyễn Văn Giang	253 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Quận Tân Bình, Việt Nam	023019552	88	0.06
4	Trần Đình Cư	76 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Việt Nam	021919953	2.308	1.46
5	Tôn Thất Thủy	233/16 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Việt Nam	020216787	269	0.17
6	Võ Phi Anh	357/11 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, Việt Nam	030878621	0	0
7	Và 211 cổ đông khác	Việt Nam		55.584	35.11

5. Hoạt động kinh doanh**5.1 Sản phẩm của Công ty**

Sản phẩm chính của Công ty là các công trình thi công xây lắp đường bộ, cầu. Trải qua hơn 10 năm hoạt động trong ngành xây dựng công trình giao thông, Công ty đã tham gia thi công và hoàn tất nhiều công trình lớn như: dự án cầu Mỹ Thuận, dự án cầu Cần Thơ, dự án Quốc lộ 51, dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án xây dựng cảng dầu khí Vũng Tàu, dự án nhà máy nước chắm Nam Dương (Nhà Bè), dự án xây dựng cầu Cầu Lâu (Tỉnh Quảng Nam), dự án cầu Thuận Phước (Đà Nẵng), dự án nâng cấp mở rộng Cảng Đà Nẵng và nút giao Hòa Cầm Tiên Sa, dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 và tuyến tránh Vĩnh Long, dự án

xây dựng gói thầu số 1 cầu Đàm Cùng và đường dẫn vào cầu,...và nhiều công trình lớn khác.

Cơ cấu doanh thu qua các năm:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động xây dựng	106.231	88.24	28.709	62.72	25.197	69.54	77.517	84.77
Doanh thu bán hàng	7.090	5.89	4.202	8.78	636	1.76	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.065	5.87	12.857	28.10	10.396	28.70	13.925	15.23
Tổng cộng	120.387	100	45.769	100	36.230	100	91.442	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

Cơ cấu giá vốn qua các năm:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động xây dựng	3.118	2.55	-	-	-	-	545	0.38
Hoạt động bán hàng	1.829	1.50	37.402	100	23.235	86.33	134.781	94.77
Hoạt động cung cấp dịch vụ	117.299	95.95	-	-	3.679	13.67	6.893	4.85
Tổng cộng	122.246	100	37.402	100	26.914	100	142.219	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

5.2 Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu:
 - + Đá, cát, xi măng các loại
 - + Thép xây dựng các loại
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Hiện tại, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu từ trong nước, nguồn cung ứng nguyên vật liệu trong nước nhìn chung ổn định, sẵn sàng đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:*

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các sản phẩm chủ yếu là các công trình cầu đường, trong đó tỷ trọng nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ khá lớn trong giá thành. Do vậy sự biến động giá cả của các nguyên vật liệu như: nhiên liệu, đá, cát, thép, xi măng... sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty.

- *Danh mục nhà cung cấp nguyên vật liệu:*

STT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp
1	Đá	CTY TNHH MTV DV TM HUY NHẤT
2	Cát	CTY TNHH MTV DV TM HUY NHẤT CTY TNHH MTV TM DV XD HOÀI HƯƠNG
3	Xi măng	CTY TNHH KD TM BÍCH THỦY CTY CP VẬT TƯ XÂY DỰNG MINH HẢI
4	Thép	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHỤC HƯNG CTY CP KINH DOANH VẬT TƯ C&T
5	Bê tông	CTY CP ĐT VÀ PT TM TRUNG HẢI CTY CP BETON 6

Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

5.3 Chi phí sản xuất qua các năm

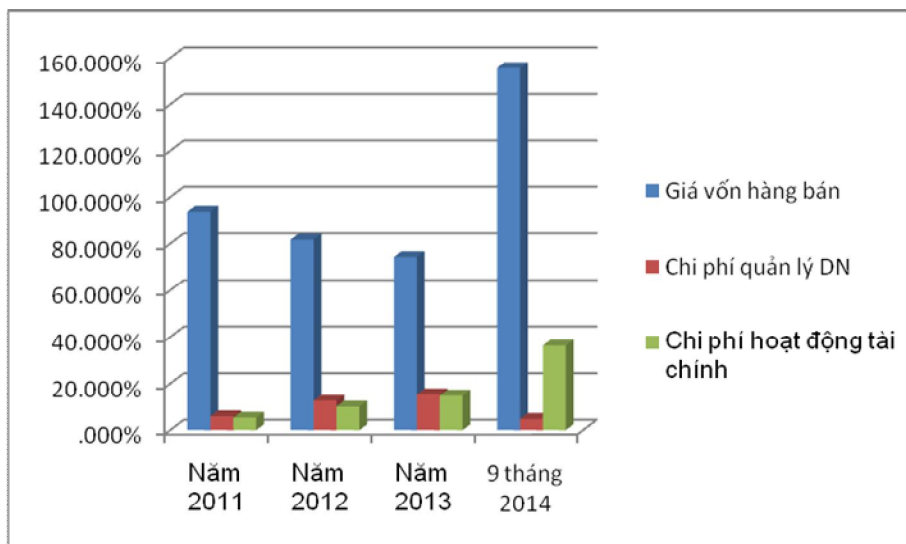
Đơn vị: Đồng

Yếu tố	2011	Tỷ trọng/ DTT (%)	2012	Tỷ trọng/ DTT (%)	2013	Tỷ trọng/ DTT (%)	9 tháng 2014	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	122.246	93.90	37.402	81.72	26.914	74.29	142.219	155.53
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	7.616	5.85	5.748	12.56	5.545	15.31	4.335	4.74
Chi phí tài chính	6.925	5.32	4.602	10.06	5.358	14.79	33.167	36.27
Chi phí khác	7.902	5.77	6.778	14.80	2.162	5.96	4.255	4.65
Cộng chi phí	30.502	22.3	31.909	69.71	39.979	110.34	188.946	206.67
Doanh thu thuần	136.778	100	45.769	100	36.230	100	91.442	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 9 tháng 2014

Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí qua các năm

*Tỷ trọng chi phí
giá vốn hàng bán
luôn ở mức cao*



Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí giá vốn hàng bán (bình quân 99,2% qua các năm). Năm 2011-2013, Công ty chịu tác động từ sự suy thoái nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, trong hoàn cảnh khó khăn mặc dù Công ty đã nỗ lực tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng sự biến động tăng giá nguyên vật liệu đầu vào đã dẫn đến tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần luôn ở mức cao, dẫn tới tỷ trọng lợi nhuận gộp của Công ty ở mức rất thấp.

Trong 9 tháng, chi phí giá vốn cao chủ yếu do Công ty hạch toán bổ sung các khoản chi phí phát sinh từ những năm trước chưa được hạch toán và ghi nhận. Ngoài chi phí giá vốn, các chi phí khác của Công ty vẫn được duy trì ở mức ổn định qua các năm quản lý doanh nghiệp (QLDN) là chi phí lớn thứ hai sau giá vốn.

5.4 Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị thi công của Công ty như sau:

Stt	Tên tài sản	Nước Sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng
I	<i>Xe vận tải</i>			
1	Ô tô đầu kéo Huyndai	HQ	1992	1
2	Xe Kamaz	Nga	1992	5
3	Xe Asia	HQ	1993	2
4	Xe Huyndai	HQ	1993	5

5	Ô tô vận chuyển < 10T	HQ	1993	5
6	Ô tô vận chuyển > 10T	HQ	1994	3
7	Sơ mi romooc cao 9T	Mỹ	1985	1
8	Sơ mi romooc cao 20T	Mỹ	1975	1
II	Máy thi công			
1	Máy ủi 140CV	Nga	2004	3
2	Máy ủi > 110CV	Nhật	2004	2
3	Máy đào Hitachi uh 07	Nhật	1993	3
4	Máy đào Kobelco sk-04	Nhật	1992	1
5	Máy xúc Caterpillar 955B	Mỹ	1987	1
6	Máy xúc ZL-50F	TQ	2000	1
7	Máy xúc ZL – 35F	TQ	2000	1
8	Máy xúc Avelling Braford	Mỹ	1970	1
9	Máy bần PY-160C	TQ	2000	1
10	Máy lu rung Watanabe	Nhật	1994	1
11	Máy lu rung ZY-14A	TQ	2000	1
12	Máy lu rung Kubota E-60	Nhật	1996	1
13	Xe nâng Pettibone 1044	Mỹ	1972	1
14	Máy nén khí MN	Nhật	1999	1
15	Máy nén khí Ari man DS390S	Nhật	1990	1
16	Máy nén khí Atlas-xas125	Đức	1995	2
17	Máy nén khí Ari man SDS750S	Nhật	1996	1
18	Máy nén khí Ariman PDS665S	Nhật	1990	2
19	Trạm biến áp điện	VN	2002	1
20	Máy phát điện Caterpillar	Mỹ	1996	1
21	Máy phát điện Pebow GC200	Mỹ	1994	1
22	Máy phát điện Denyo DCA90	Nhật	1992	1
23	Máy phát điện Ariman DCA-55S	Nhật	1988	1
24	Máy phát điện Ariman DCA-93S	Nhật	1988	1

25	Máy phát điện Pebow TEDR80A	Mỹ	1995	1
26	Máy phát điện Wilson Z300-TH	Mỹ	1997	1
27	Máy trộn bê tông HD750	Nga	1997	1
28	Máy trộn bê tông Imer	Ý	1992	1
29	Máy trộn bê tông Honda	Nhật	1998	1
30	Máy trộn bê tông Honda	Nhật	1997	1
31	Máy trộn bê tông HD750	Nga	1994	2
32	Máy trộn bê tông Guynoel	Pháp	1998	2
33	Máy trộn bê tông schwing	Đức	1982	1
34	Các phụ kiện ống máy bơm BT	ĐL	2000	1
	Máy bơm chìm (bùn-cát)	Nhật	1992	1
	Máy bơm chìm (bentonite)	Nhật	1994	1
36	Máy bơm vữa	TQ	2000	1
37	Máy bơm bentonite	Nhật	1995	1
38	Máy phá bê tông	Mỹ	1997	1
39	Máy hàn nối đầu UNI-100	TQ	2000	1
40	Máy hàn nối ống HDPE	Thụy Sĩ	1998	1
41	Máy hàn CO2	HQ	2000	10
42	Máy hàn idelare CV400-LN25	Mỹ	1998	2
43	Máy phát hàn Meiho SSPOA	Nhật	1992	1
44	Máy phát hàn Yanmar CT 00775	Nhật	1993	1
45	Máy phát hàn Ariman	Nhật	1990	1
46	Máy phát hàn Denyo 280SS	Nhật	1992	1
47	Máy cắt bê tông JIC	Nhật	1998	1
48	Dàn khoan thủy lực d2500	HQ		1
49	Dàn khoan cọc nhồi Casagrandeca	Ý	1992	1
50	Dàn khoan cọc nhồi Soimec RTCS	Ý	1982	1
51	Dàn khoan cọc nhồi Casagrandeca	Ý	1992	1
52	Dàn khoan lắ Casagrandeca	Ý	1995	1
53	Dàn khoan cọc nhồi GPS25A	TQ	2000	1

54	Búa đóng cọc CP79	Nga	1998	1
55	Búa đóng cọc K35	Nhật	1988	1
56	Búa đóng cọc D16/32	TQ	2000	1
57	Búa đóng cọc D25/32	TQ	2000	1
58	Búa đóng cọc D36/32	TQ	2000	1
59	Búa đóng cọc D46/32	TQ	2000	1
60	Búa đóng cọc D62/22	TQ	2000	1
61	Búa rung – tủ điện – hộp ĐK Jinling	TQ	2000	1
62	Búa rung Tomen VW2-1200	Nhật	1987	2
63	Máy bơm nước KSP	Nhật	1992	2
64	Máy bơm nước	Nhật	1992	1
65	Cần cẩu bánh hơi tự hành Quiway	Mỹ	1975	1
66	Cần cẩu bánh hơi A.Q 410	Mỹ	1959	1
67	Cần cẩu bánh hơi A.Q 220	Mỹ	1959	1
68	Cần cẩu bánh hơi KPAZ K-162	Nga	1980	1
69	Cần cẩu bánh hơi tự hành Teskin	Nga	1993	1
70	Cần cẩu bánh hơi Tokyu CT300	Nhật	1991	1
71	Cần cẩu bánh xích Sumitomo	Nhật	1995	1
72	Cần cẩu bánh xích Kobelco	Nhật	1992	1
73	Cần cẩu bánh xích Hitachi KH150	Nhật	1985	1
74	Cần cẩu bánh xích Kobelco	Nhật	1987	1
75	Cần cẩu bánh xích Linkbelt	Mỹ	1977	1
76	Cần cẩu bánh xích LiebherrHS852	Đức	1991	1
77	Xe trộn bê tông Daewoo	HQ	1990	3
78	Xe trộn bê tông Fuso	Nhật	1991	2
79	Xe trộn bê tông SSangyong	HQ	1992	4
80	Xe trộn bê tông SSangyong	HQ	1992	1
81	Sà lan 230T	VN	1995	1
82	Sà lan 500T	VN	1996	1
83	Sà lan	VN	1997	1
84	Sà lan	VN	1998	1
85	Tàu kéo Trường Thọ 1	VN	1995	1
86	Tàu kéo Trường Thọ 2	VN	1996	1
87	Tàu kéo Trường Thọ 3	VN	1970	1

88	Trạm trộn bê tông	VN	1998	1
89	Trạm trộn bê tông Skako ultra	Đức	1990	1
90	Trạm trộn bê tông	Đức	2002	1
91	Máy hàn điện 320	Mỹ	1997	5
92	Máy hàn điện 420	Mỹ	1997	5
93	Máy hàn điện 400	Mỹ	1998	3
94	Thiết bị nâng dầm RRHH-6010	Mỹ	2000	2
95	Thiết bị nâng dầm RR2025	Mỹ	2000	1
96	Thiết bị nâng dầm RCS 1002	Mỹ	2000	1
97	Dàn cẩu bắc thăm số 1	VN	1997	1
98	Dàn cẩu bắc thăm số 2	VN	1997	1
99	Dàn cẩu bắc thăm số 2	VN	1997	1
100	Dàn cẩu bắc thăm số 3	VN	1997	2
101	Dàn cẩu bắc thăm số 3	VN	1997	1
102	Máy đầm dùi 1.5KW	Nhật	2009	20
103	Đầm cóc	Nhật	2008	10

Nguồn: Công CP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

5.5 Một số hợp đồng lớn đã và đang thực hiện:

STT	Tên hợp đồng	Trị giá	Thời gian thực hiện	Đối tác ký kết
1	Dự án xây dựng gói thầu số 1 (Cầu Đầm Cù và đường dẫn vào cầu)	259.5 tỷ đồng	2009-2011	Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh
2	Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 và tuyến tránh Vĩnh Long	72.1 tỷ đồng	2009-2010	Ban QLDA 1
3	Dự án xây dựng cầu Xà No – Tỉnh Hậu Giang	142.1 tỷ đồng	2008 – 2010	Ban QLDA CTGT Hậu Giang
4	Gói thầu số 2: Xây dựng đoạn Mỹ An-Vàm Công- dự án đường HCM	49.5 tỷ đồng	2009-2010	Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh
5	Gói thầu số 6: Xây dựng đoạn Mỹ An – Vàm Cống – dự án đường HCM	53.3 tỷ đồng	2009-2010	Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh

6	Dự án xây dựng 6 cầu trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi	60.4 tỷ đồng	2008-2010	Công ty Thiên Tú
7	5 cầu – dự án tín dụng ngành giao thông để nâng cấp mạng lưới đường quốc gia	29 tỷ đồng	2009 – 2010	Ban QLDA 6
8	Gói thầu số 19: xây dựng cầu Rạch Lùm-dự án đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tỉnh Cà Mau	67.5 tỷ đồng	2010-2011	Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh
9	Dự án xây dựng Cảng và kho bãi thông quan nội địa ICD Cảng Bến Nghé-Quận 9-TP.HCM	108 tỷ đồng	2007-2008	Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
10	Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	150 tỷ đồng	2006-2008	Tổng Công ty XDCTGT 1
11	Dự án xây dựng cầu Cần Thơ	20 tỷ đồng	2005-2007	Tổng Công ty XDCTGT 6
12	Dự án xây dựng cầu Thuận Phước-Đà Nẵng	360.8 tỷ đồng	2003-2008	Ban QLDA CTGTCC Đà Nẵng
13	Dự án nâng cấp mở rộng Cảng Đà Nẵng và nút giao Hòa Cầm Tiên Sa	47.4 tỷ đồng	2004	Tổng Công ty XDCTGT 6
14	Dự án xây dựng cầu Cầu Lâu-Tỉnh Quảng Nam	120 tỷ đồng	2001-2004	Tổng Công ty XDCTGT 6
15	Dự án cầu vượt Sóng Thần	16 tỷ đồng	2001-2003	Tổng Công ty XDCTGT 8
16	Dự án cầu A Vương 1,2; A Zinh 1,2	23.5 tỷ đồng	2000-2003	Tổng Công ty XDCTGT 6
17	Dự án cảng dầu khí Vũng Tàu	27 tỷ đồng	2000	Tổng Công ty XDCTGT 6
18	Dự án Quốc lộ 51	21 tỷ đồng	2000	Ban QLDA Mỹ Thuận
19	Dự án xây dựng cầu Mỹ Thuận	28.2 tỷ đồng	1996-2000	Bauderstone Honibrook (Úc)
20	Dự án xây dựng bờ kè Cầu Mỹ Thuận	12 tỷ đồng	1996-2001	Bauderstone Honibrook (Úc)

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây

Đơn vị: Triệu đồng

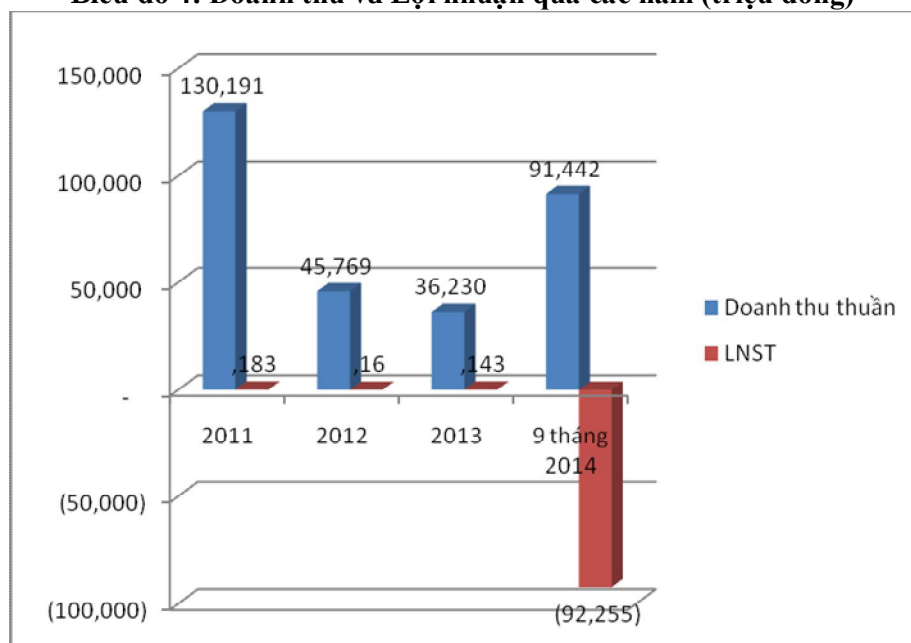
Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng 2014
Tổng tài sản	210.012	211.597	232.797	112.896
Vốn điều lệ	15.833	17.399	17.399	17.399
Nguồn vốn chủ sở hữu	14.917	16.508	16.471	(75.950)
Tổng doanh thu	120.387	45.769	36.230	91.442
Lợi nhuận sau thuế	183	15	142	(92.254)
ROA (%)	0.087	0.007	0.061	N/A
ROE (%)	1.22	0.10	0.86	N/A

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Biểu đồ 4: Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm (triệu đồng)

Doanh thu của Công ty không ổn định qua các năm



Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty không ổn định qua các năm, do chịu ảnh hưởng từ những biến động về kinh tế vĩ mô, ngành giao thông gặp nhiều khó khăn khi chính phủ thắt chặt chi ngân sách cho các công trình xây dựng cơ bản, mặt khác, do không huy động được vốn, Công ty buộc phải thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ liên danh liên kết với các Công ty khác để tham gia thi công các công trình. Qua 9 tháng 2014, doanh thu thuần Công ty đạt mức 91.2 tỷ đồng, tăng mạnh so với các năm 2012 và 2013, chỉ đạt lần lượt 45.7 tỷ đồng và 36.2 tỷ đồng.

Có doanh thu nhưng chi phí giá vốn cao, thiếu vốn và các khoản nợ lớn,

khiến cho lợi nhuận Công ty đạt được không cao, đặc biệt, qua 9 tháng năm 2014, Công ty phải hạch toán khoản lỗ hơn 92 tỷ đồng, do chi phí giá vốn lớn hơn nhiều so với doanh thu, gần 120 tỷ đồng. Doanh thu và giá vốn trong thời kỳ này được Công ty hạch toán bổ sung do những năm trước Công ty chưa được hạch toán và ghi nhận.

7. Vị thế của Công ty trong ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Qua quá trình hình thành phát triển, Công ty đã tạo được vị thế nhất định trong ngành khi đã tham gia thực hiện nhiều dự án, công trình lớn, tiêu biểu như dự án cầu Cần Thơ, dự án cầu Mỹ Thuận, nhà máy lọc dầu Dung Quất, công trình cầu Thuận Phước (Đà Nẵng), cầu Xà No (Hậu Giang), cầu Cầu Lâu (Quảng Nam)...

7.2 Một số thuận lợi và khó khăn

- Thuận lợi:
 - + Công ty có kinh nghiệm, thiết bị chuyên dụng hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, sản xuất gia công kết cấu thép, xây dựng cầu đường và có đầy đủ năng lực đấu thầu các công trình xây dựng cơ bản;
 - + Công ty có năng lực và kinh nghiệm thi công các công trình lớn. Có đội ngũ công nhân lành nghề và các thiết bị sản xuất, thi công phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
 - + Được sự quan tâm tạo điều kiện của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 và Bộ Giao thông Vận tải;
- Khó khăn:
 - + Tình hình suy thoái của nền kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, lạm phát tăng cao, giá cả đầu vào biến động. Cơ hội tìm kiếm việc làm của Cty gặp rất nhiều khó khăn, công tác tiếp thị đấu thầu ngày càng bị cạnh tranh rất quyết liệt.
 - + Nguồn vốn kinh doanh của Công Ty chủ yếu dựa vào các nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng và chiếm dụng vốn của khách hàng.
 - + Một số các công trình đã thi công xong nhưng chưa thu hồi được vốn, chưa được điều chỉnh giá hợp lý, chưa được quyết toán như CT Cầu Thuận Phước; Cảng Quận 9, cầu Xà no, Cầu Đầm cùng, công trình Đồng Tháp gối 2 và gối 6.
 - + Chi phí dở dang tồn đọng của Công trình Cầu Thuận Phước 47 tỷ và chi phí lãi, chênh lệch tỷ giá thanh toán của hợp đồng vay vốn ODA năm 2001 trên 23,6 tỷ đồng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công Ty trong tương lai.

7.3 Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 03/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 35/QĐ/QĐ-TTg về chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Theo đó định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hợp lý; kết hợp phát triển từng bước vững chắc với những bước đột phá đi thẳng vào hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc, đồng thời coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.
- Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có.
- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế;
- Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.
- Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, Huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải.
- Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:
 - ✚ Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước hàng năm đạt 3,5-4,5% GDP.
 - ✚ Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức vào xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông,....
 - ✚ Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý,...
 - ✚ Thành lập các công ty thuê mua tài chính có sự bảo lãnh của Nhà nước để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nguồn tài chính, công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.
 - ✚ Với quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước đã mở ra triển vọng phát triển trong tương lai của ngành, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới.

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Những giải pháp và chiến lược Công ty đưa ra tại đại hội cổ đông năm 2013 cho thấy Công ty đang nỗ lực cố gắng phát triển dựa trên nguồn lực hiện có, những định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành. Tuy nhiên, nếu được đầu tư chiều sâu về công nghệ đồng thời đủ lượng vốn lưu động cần thiết phục vụ cho kinh doanh kết hợp với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ sẽ giúp Công ty hoàn thành các kế hoạch trước mắt và dần nâng Công ty lên một tầm cao mới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014 là 51 người với cơ cấu lao động như sau:

Cán bộ	30/09/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ trên đại học	2	3.90
2. Trình độ đại học	34	66.66
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	4	7.84
4. Phổ thông	6	11.74
5. Lao động khác	5	9.80
Tổng cộng	51	100

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

8.2 Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ lưỡng về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty, Công ty đã đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng và mạnh về chất. Công ty chú trọng bồi dưỡng, phát triển và thu hút đội ngũ trí thức, các chuyên gia có trình độ cao. Với đặc thù công việc đòi hỏi chất xám cao, Công ty luôn khuyến khích đội ngũ CBNV trau dồi kiến thức, không ngừng học hỏi, sáng tạo. Bên cạnh đó, Công ty dành những ưu đãi thích hợp và sử dụng những hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật...

Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và theo quy định của Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- Cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Đối với tài sản cố định khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Máy móc thiết bị	10 – 20
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 – 50
Quyền sử dụng đất	40 – 50

Nguồn: BCTC 2013 đã kiểm toán

10.1.2 Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	9 tháng 2014
Các khoản phải thu	31.469	27.903	27.226	30.164
Phải thu của khách hàng	14.914	13.333	13.506	16.488
Trả trước cho người bán	17.840	17.120	16.341	16.297

Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.925	1.309	1.227	1.227
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.211)	(3.859)	(3.849)	(3.849)
Các khoản phải trả	195.094	195.070	216.325	188.847
Nợ ngắn hạn+	178.005	175.938	192.106	161.723
Vay và nợ ngắn hạn	10.329	6.908	2.846	2.077
Phải trả cho người bán	59.931	48.316	43.421	44.713
Người mua trả tiền trước	60.648	73.575	98.261	36.530
Các khoản thuế phải nộp	6.551	16.916	17.302	24.496
Phải trả công nhân viên	2.643	941	231	204
Chi phí phải trả	1.772	1.616	113	113
Phải trả nội bộ	6.143	6.682	6.612	31.293
Phải trả khác	29.979	20.981	23.314	22.292
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5	1	1	1
Nợ dài hạn	17.089	19.131	24.219	27.124
Phải trả dài hạn nội bộ	12.297	12.297	12.297	20.405
Phải trả dài hạn khác	10.329	6.908	2.846	-
Vay và nợ dài hạn	4.554	6.834	6.719	6.719
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	5.202	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	238	-	-	-

Nguồn: BCTC 2011, 2012, 2013 đã kiểm toán

10.1.3 Mức lương bình quân

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011 (Triệu đồng)	Năm 2012 (Triệu đồng)	Năm 2013 (Triệu đồng)
1	Tổng quỹ lương	12.757	4.530	5.459
2	Các khoản thưởng	-	244	-
3	Tiền lương bình quân (người/tháng)	4,5	3,9	5,6
4	Thu nhập bình quân (người/năm)	47,9	47,4	67,2

Nguồn: CTCP Cơ khí Xây dựng Công trình 623-Cienco6

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
----------	------------	------------

Thuế giá trị gia tăng	10.376	10.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.332	1.189
Thuế thu nhập cá nhân	281	287
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.926	5.747
Tổng cộng	16.916	17.302

Nguồn: BCTC 2012 & 2013 đã kiểm toán

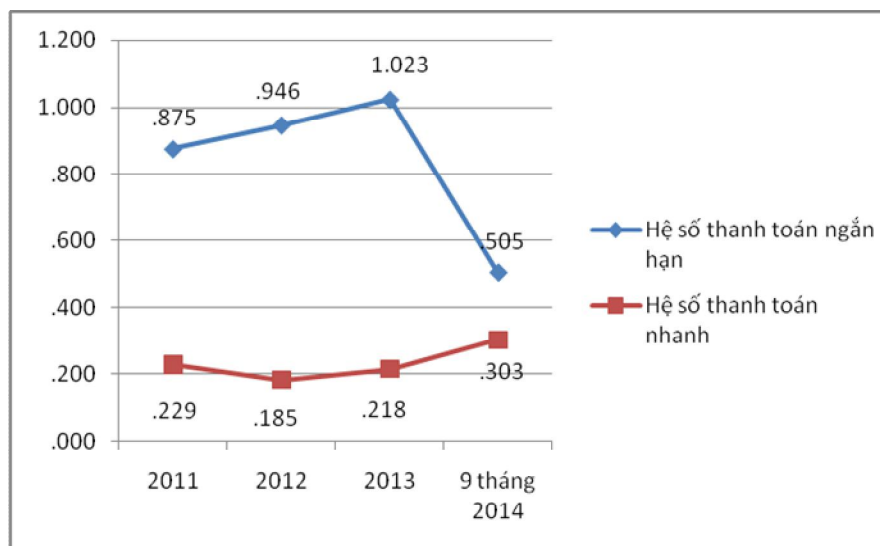
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	9 tháng 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.87	0.95	1.02	0.50
Hệ số thanh toán nhanh	0.23	0.18	0.22	0.30
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	92.90%	92.20%	92.92%	167.34%
Vay/Tổng tài sản	4.92%	3.27%	1.22%	1.84%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1308%	1182%	1313%	-248%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	4.14	1.64	1.33	3.03
Vòng quay các khoản phải trả	0.73	0.22	0.14	0.89
Vòng quay hàng tồn kho	1.06	0.28	0.17	4.38
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	62%	22%	16%	81%
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí				
Tăng trưởng doanh thu thuần		-65%	-21%	152%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	94%	82%	74%	156%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	0.17%	0.48%	0.08%	0.01%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	5.3%	10.1%	14.8%	36.3%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	-	-	-	-
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	11.2%	19.1%	11.2%	0.3%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	6.07%	14.81%	5.97%	4.65%

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	9 tháng 2014
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	5.9%	12.6%	15.3%	4.7%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.14%	0.03%	0.39%	-100.89%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1.23%	0.10%	0.87%	121.47%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.09%	0.01%	0.06%	-81.72%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0.25%	5.72%	10.41%	-60.27%

Biểu đồ 5: Khả năng thanh toán giai đoạn 2011-9 tháng 2014

Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn

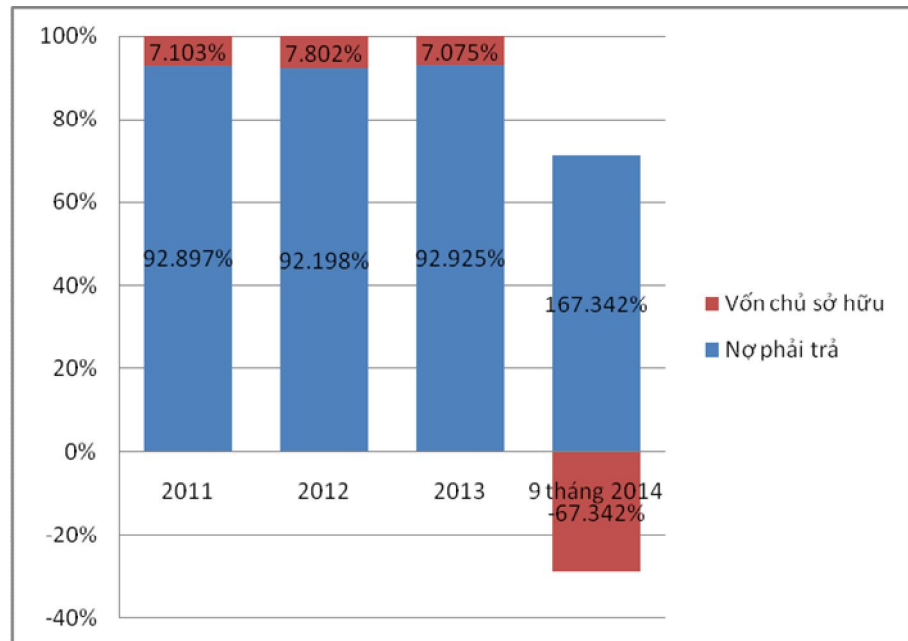


Các chỉ số về khả năng thanh toán trong các năm 2011 đến tháng 09 năm 2014 chỉ bằng 1 hoặc ở dưới mức 1, cho thấy Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tài sản lưu động của Công ty không đủ khả năng tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn. Trên thực tế, Công ty chưa cân đối đủ nguồn tiền để thanh toán một số khoản nợ đến hạn.

Nhìn chung qua các năm, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh có sự chênh lệch khá lớn do giá trị hàng tồn kho chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty. Giá trị hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình mà Công ty tham gia thi công.

Biểu đồ 6: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2011-2013

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản



Các công ty trong ngành xây dựng thường có xu hướng sử dụng tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn tương đối cao, điều này đồng nghĩa với việc tỷ lệ sử dụng nợ càng lớn thì gánh nặng chi phí tài chính sẽ gia tăng tương ứng. Về phía Công ty, có thể thấy, tỷ trọng nợ/tổng tài sản của Công ty khá cao (thường xuyên ở mức trên 92% tổng tài sản qua các năm), đáng chú ý, 9 tháng 2014, Công ty bị âm vốn chủ sở hữu do phải ghi nhận khoản lỗ hơn 93 tỷ đồng. Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn (bình quân hơn 85% các khoản phải trả), trong đó, chủ yếu là các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả nội bộ. Với tỷ lệ nợ cao, Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

10.3 Một số thông tin lưu ý về BCTC 2013 đã kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt - đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 có ý kiến về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty như sau:

- *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:*

Báo cáo tài chính chưa ghi nhận các khoản chi phí sau đây:

- Chi phí phát sinh trong thi công công trình cầu Thuận Phước với số tiền 30.301.383.333 đồng, bằng số dư khoản mục chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của hạng mục cầu Thuận Phước với số tiền 47.312.766.144 đồng căn trừ với số dự khoản mục Người mua trả tiền trước của Ban Quản lý Dự án ĐTXD Giao thông công chánh (Thuận Phước) với số tiền 17.011.382.811
- Chi phí tài chính với số tiền 23.655.033.044 đồng liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 77/HĐ/TNNN ngày 28/11/2000 theo đó Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 cho Công ty vay lại vốn tín dụng (ODA) của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung

Quốc; trong đó lãi tiền vay và lãi chậm trả 14.580.816.140 đồng, chênh lệch tỷ giá là 9.074.216.904 đồng.

Tổng chi phí chưa ghi nhận liệt kê tại các mục 01, 02 ở trên là 53.956.416.377 đồng.

- *Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ:*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

11. Tài sản

11.1 Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.460	4.658	72.10
2	Máy móc, thiết bị	77.596	21.698	27.96
3	Phương tiện vận tải	2.830	739	26.11
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.042	106	10.19
	Cộng	87.929	27.202	30.93

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán

11.2 Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/9/2014

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.807	3.868	66.0
2	Máy móc, thiết bị	71.161	12.910	18.14
3	Phương tiện vận tải	2.830	478	16.89
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.042	94	9.07
	Cộng	80.842	17.352	21.46

Nguồn: BCTC 9 tháng 2014

11.3 Tình hình sử dụng đất đai

STT	Lô đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên bãi	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng	Thời hạn sử dụng
-----	--------	-------------------------------------	---------------------	------------------	-------------------	------------------

1	127 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	4.542	Văn phòng, trung tâm thương mại	Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ giải trí	Quyết định 5415/QĐUB QLĐT ngày 06/10/1997 và Quyết định 636/QĐUB – QLĐT ngày 24/11/1998 của UBND Thành phố.	Thuê 25 năm kể từ ngày 24/11/1998
2	Xã Bình An, huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	53.068,5	Cơ sở sản xuất kinh doanh	Đất cơ sở sản xuất-kinh doanh và cho thuê làm bãi chứa Container	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

12. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2014

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng giá trị doanh thu	55.300.000
2	Tổng sản lượng	47.005.000
3	Lợi nhuận trước thuế	470.050
4	Chi phí thuế	117.513
5	Lợi nhuận sau thuế	352.338
6	Thu nhập bình quân (người/tháng)	5.620

Nguồn: CTCP Cơ khí xây dựng công trình 623-Cienco6

Các biện pháp thực hiện kế hoạch:

a. Về tài chính

Nâng cao vai trò quản lý vốn, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, quay vòng vốn nhanh. Tăng cường công tác thu hồi công nợ.

Tập trung công tác hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán, điều chỉnh giá các công trình Cảng Phú Hữu-Quận 9; cầu Xà No, Gói 2 và gói 6 Đồng Tháp.

Tập trung vào các dự án có đủ vốn và khả năng thanh toán tốt. Tiết kiệm tối đa chi phí thi công cũng như các chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo thu chi hợp lý, hợp pháp trong sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty đạt hiệu quả.

b. Công tác tiếp thị và đấu thầu

Tiếp tục liên danh, liên kết với các công ty có năng lực tài chính để tham gia dự thầu các công trình. Khai thác ngành nghề thế mạnh của Công ty như: thi công cầu, khoan cọc nhồi có đường kính lớn, gia công ván khuôn...

c. Công tác quản lý thi công

Hoàn thiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

Xây dựng giá khoán hợp lý cho các xí nghiệp, phân xưởng, đội.

Tăng cường công tác quản lý giám sát, quản lý điều hành dự án.

d. Công tác thiết bị, vật tư

Thường xuyên kiểm tra sửa chữa, bảo trì thiết bị, tận dụng phát huy tối đa năng lực xe máy, thiết bị hiện có bằng cách sử dụng điều động hợp lý, gia tăng hệ số sử dụng.

Tiếp tục hoàn thiện khâu quản lý vật tư trong quá trình thi công.

e. Công tác tổ chức

Công ty tiếp tục từng bước thực hiện và hoàn tất việc chuẩn hóa cán bộ sắp xếp các phòng tham mưu – nghiệp vụ, tinh gọn và chuyên môn hóa một số chức danh cán bộ chủ chốt, bổ sung từ 01 và 02 Phó Tổng, Cổ phần hóa chi nhánh, đội thi công để tăng quy mô hoạt động của Công ty.

f. Công tác an toàn sản xuất

Tiếp tục tổ chức tốt mạng lưới an toàn, vệ sinh riêng từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, CBCNV phải được huấn luyện an toàn lao động và được trang bị đầy đủ các phương tiện dụng cụ để đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Phương án khắc phục tài chính:

Hiện nay theo số liệu báo cáo quản trị và Ban kiểm soát thì Công ty CP Cơ khí Xây dựng Công trình giao thông 623 dự kiến lỗ từ các công trình đã thi công khoảng hơn 47 tỷ đồng và chi phí tài chính với số tiền 23.655.033.044 đồng liên quan đến hợp đồng tín dụng số 77/HĐ/TNNN ngày 28/11/2000 theo đó Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 6 cho Công ty vay lại vốn tín dụng (ODA) của Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc; trong đó lãi tiền vay và lãi trả chậm là 14.580.816.140 đồng, chênh lệch tỷ giá là 9.074.21.094 đồng. Để giải quyết khoản lỗ nêu trên Hội đồng quản trị đề ra biện pháp lành mạnh tài chính sau:

a. Biện pháp trước mắt:

Tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty, đời sống CBCNV, tiết kiệm chi phí thi công, cắt giảm chi phí quản lý, giá thành, thanh lý các thiết bị không cần dụng....

Khai thác tối đa các quỹ đất hiện có như: khu đất 127 Đinh Tiên Hoàng (Coopmart) và bãi Container Lò Ô. Tăng cường hoạt động dịch vụ cho thuê thiết bị nhà xưởng văn phòng.

Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng hoặc phát hành trái phiếu tối thiểu 30 tỷ đồng, mục đích trả nợ ngân sách và BHXH, ngân hàng. Đề nghị DATC tái cơ cấu các khoản nợ khách hàng và Ngân hàng

Phối hợp với Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 trình Bộ Tài chính xem xét miễn giảm lãi trả chậm các khoản nợ ODA.

Thu cổ tức từ việc góp vốn vào các công ty cổ phần như công ty cổ phần cơ khí xây dựng công trình Bình An.

b. Biện pháp lâu dài

Để giải quyết lành mạnh tình hình tài chính, Công ty phải tiếp tục duy trì ổn định sản xuất, đa dạng hoá ngành nghề và triển khai hoàn tất các dự án hiện có theo hướng thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án để thu hút các nguồn vốn đầu tư của đối tác

- Dự án liên doanh với Coopmart để nâng cấp siêu thị 127 Đinh Tiên Hoàng.
- Dự án khai thác đá tại Đồng Nai: Dự án có mức đầu tư dự kiến 240 tỷ đồng để khai thác 14.993.432m³ đá trên diện tích 35.36 ha tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai trong 18 năm; lợi nhuận hàng năm từ 8 đến 10 tỷ đồng.

Lưu ý: *Chỉ tiêu kế hoạch & các biện pháp thực hiện trên là kế hoạch dự kiến 2014 của Công ty và loại trừ ảnh hưởng của các nhân tố, sự kiện sau:*

- + *Hạch toán toàn bộ chi phí dở dang công trình cầu Thuận Phước vào giá thành năm 2014.*
- + *Lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ tại Cơ quan thi hành án.*
- + *Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.*
- + *Lãi phát sinh do vay vốn ODA và chênh lệch tỷ giá chưa hạch toán.*

Với kết quả kinh doanh 9 tháng 2014 ghi nhận mức lợi nhuận âm hơn 92 tỷ đồng, có thể thấy Công ty phải nỗ lực nhiều hơn để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm nay.

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2011, 2012, 2013; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty trong năm 2014, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty được xây dựng trong năm 2014 là hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng công trình 623 cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN
CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HCM
GIÁM ĐỐC

KIỀU NGỌC CẦU

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 623
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOÀNG MINH DŨNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ
CN.TPHCM - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

PHẠM THỊ THANH NHÀN